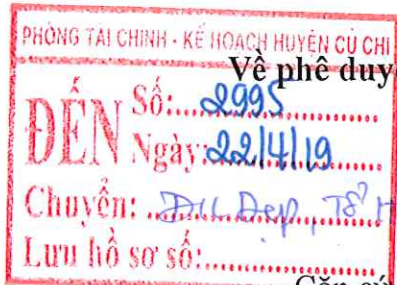


**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4443/QĐ-UBND

Củ Chi, ngày 22 tháng 4 năm 2019



QUYẾT ĐỊNH

Về phê duyệt kinh phí mua sắm, sửa chữa nhỏ tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành giáo dục huyện năm 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Khóa IX, tại kỳ họp thứ 12 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách thành phố năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Khóa IX, tại kỳ họp thứ 12 về phân bổ ngân sách năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 5678/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân huyện Khóa X, tại kỳ họp thứ 08 về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2019;

Căn cứ Quyết định 16183/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của UBND huyện Củ Chi về giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019 đối với các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện;

Căn cứ Quyết định 16266/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của UBND huyện Củ Chi về việc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ cơ quan chuyên môn huyện;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện tại văn bản số 508/TCKH ngày 08/4/2019 về việc bổ sung kinh phí không thường xuyên mua sắm trang thiết bị chuyên môn tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành giáo dục huyện năm 2019 và văn bản số 509/TCKH ngày 08/4/2019 về khảo sát nhu cầu sửa chữa nhỏ tại các trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa nhỏ tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành giáo dục huyện năm 2019 số tiền: 18.257.834.600 đồng, trong đó:

1. Kinh phí mua sắm trang thiết bị chuyên môn:

1.1 Trang thiết bị phục vụ yêu cầu dạy học thuộc Khối mầm non (gồm 17 trường), số tiền: 1.267.056.800 đồng;

1.2 Trang thiết bị phục vụ yêu cầu dạy học thuộc Khối tiểu học (16 trường), số tiền: 2.163.976.000 đồng;

1.3 Trang thiết bị phục vụ yêu cầu dạy học thuộc Khối Trung học cơ sở và các đơn vị trực thuộc ngành giáo dục (18 trường), số tiền: 2.022.271.800 đồng;

1.4 Kinh phí trang trí của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và các đơn vị trực thuộc huyện năm học 2018-2019, số tiền: 758.500.000 đồng;

1.5 Máy vi tính để bàn, máy điều hòa không khí (mua sắm tập trung) của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và các đơn vị trực thuộc, số tiền: 1.215.000.000 đồng;

1.6 Kinh phí trang bị 01 thư viện điện tử với số tiền 1.068.530.000 đồng của Trường Tiểu học Tân Thông và trang bị 5 bảng tương tác (tivi đa chức năng) đối với 5 đơn vị (Trường TH Thị Trấn Củ Chi, Trường TH Trần Văn Châm, Trường THCS Thị trấn, Trường THCS Thị trấn 2, Trường THCS Tân An Hội) với số tiền 787.500.000 đồng (trị giá 157.500.000đồng/bảng), tổng kinh phí là: 1.856.030.000đồng. Ủy ban Nhân dân huyện chấp thuận cho các đơn vị thực hiện các nội dung này theo hình thức:

- Ngân sách nhà nước đảm bảo 70% kinh phí : 1.299.221.000đồng

- Các đơn vị thực hiện xã hội hóa 30% kinh phí: 556.809.000đồng

(Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm)

2. Kinh phí sửa chữa:

2.1 Các công trình yêu cầu kỹ thuật cao và có liên quan đến kết cấu, với kinh phí dự kiến: 7.851.000.000đồng.

2.2 Các công trình còn lại với kinh phí dự kiến: 1.124.000.000đồng

(Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm)

* Nguồn kinh phí:

- Cân đối từ kinh phí sự nghiệp giáo dục năm 2019: 17.701.025.600đồng

- Thực hiện xã hội hóa : 556.809.000đồng

Điều 2. Chấp thuận bổ sung dự toán kinh phí chi không thường xuyên năm 2019 đối với các đơn vị để thực hiện mua sắm, sửa chữa nhỏ tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành giáo dục huyện năm 2019 số tiền: 17.701.025.600đồng. (Mười bảy tỷ, bảy trăm lẻ một triệu, không trăm hai mươi lăm ngàn, sáu trăm đồng)

(Chi tiết theo Phụ lục 03 đính kèm)

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

3.1 Giao Ban Quản lý Đầu tư xây dựng công trình huyện làm chủ đầu tư các nội dung 1.1, 1.2, 1.3 và 2.1 của Điều 1. Căn cứ tình hình thực tế khảo sát chi tiết tại các trường, chủ đầu tư có trách nhiệm lập dự toán phù hợp, đảm bảo tổng dự toán không vượt kinh phí đã giao cho từng khối, tổ chức thực hiện mua sắm, sửa chữa theo trình tự, thủ tục và thanh quyết toán đúng quy định hiện hành và bàn giao lại cho các đơn vị sử dụng.

3.2 Giao Hiệu trưởng các Trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và các đơn vị trực thuộc huyện:

- Căn cứ Quyết định giao dự toán bổ sung, lập và gửi dự toán về Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện thẩm tra, nhập dự toán;

- Làm chủ đầu tư các nội dung 1.4, 1.5, 1.6 và 2.2 của Điều 1, tổ chức xã hội hóa, thực hiện mua sắm, sửa chữa theo trình tự, thủ tục và thanh quyết toán đúng quy định hiện hành.

- Đối với các danh mục mua sắm không được giải quyết kinh phí theo đề xuất của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và các đơn vị trực thuộc huyện, số tiền 4.854.717.100 đồng (*Bốn tỷ, tám trăm năm mươi bốn triệu, bảy trăm mười bảy nghìn, một trăm đồng*) (theo Phụ lục 01 đính kèm), đề nghị các đơn vị tự rà soát những danh mục mua sắm bức xúc cần thiết, ưu tiên trang bị trong năm 2019; những tài sản còn lại các đơn vị lựa chọn, sắp xếp phù hợp để trang bị dần trong những năm tiếp theo, nhằm đảm bảo đáp ứng đầy đủ các trang thiết bị phục vụ yêu cầu giảng dạy. **Nguồn kinh phí, đơn vị chủ động cân đối từ Dự toán được giao hằng năm, nguồn thu từ hoạt động tin học, thiết bị phục vụ bán trú và Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị, để thực hiện mua sắm.** Việc triển khai mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ..., các đơn vị phải thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục và thanh quyết toán đúng quy định hiện hành.

- Thực hiện quản lý và sử dụng tài sản theo đúng quy định. Kịp thời cập nhật tình hình tăng, giảm tài sản vào Chương trình phần mềm quản lý đăng ký tài sản nhà nước.

3.3 Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tổng hợp chung nhu cầu mua sắm tập trung máy vi tính của các đơn vị, gửi Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản Thành phố tổ chức mua sắm theo quy định;

3.4 Giao Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện phối hợp Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện hướng dẫn các Trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và các đơn vị trực thuộc huyện, kiểm tra việc sử dụng kinh phí và tổ chức thực hiện mua sắm, quản lý sử dụng tài sản theo đúng quy định hiện hành.

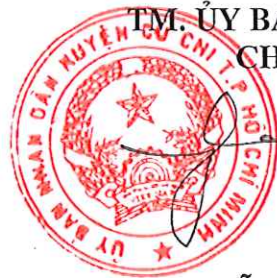
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban Nhân dân huyện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà

nước Củ Chi, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, Giám đốc Ban Quản lý Đầu tư xây dựng công trình huyện, Hiệu trưởng các Trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và các đơn vị trực thuộc huyện chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- TT.Huyện ủy;
- TT.HĐND huyện;
- TT.UBND huyện;
- Ban Thường trực UBMTTQ huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Lưu: VT, P.TCKH.02.ĐTTGiang.60



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Hoài Phú

TỔNG HỢP KINH PHÍ
MUA SẮM TẠI CÁC TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, THCS VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC HUYỆN NĂM 2018-2019
(Đính kèm văn bản số 4443/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện)

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	UBND huyện chấp thuận giải quyết	Nguồn ngân sách huyện						Dự toán giao năm 2019, Nguồn tín học, Thiết bị phục vụ bán trú và Quỹ PTHDSN của đơn vị	Thực hiện xã hội hóa	Thành tiền	Ghi chú
				Tổng cộng	Máy vi tính (mua sắm tập trung)	Trang trí	Thư viện điện tử, băng tương tác (70% giá trị)	Bàn ghế và các tài sản khác	Thư viện điện tử, băng tương tác (30% giá trị)				
I	2	3	4	5=6+7+8+9	6	7	8	9	10	11	12=5+10+11	15	
	Năm 2019			8.726.025.600	1.215.000.000	758.500.000	1.299.221.000	5.453.304.600	4.854.717.100	556.809.000	14.137.551.700		
I	Khối Mầm non			1.852.056.800	585.000.000	0	0	1.267.056.800	4.319.909.100	0	6.171.965.900		
1	Trường MN Tân An Hội 2	Trang bị: 2 bồn rửa chén inox 304; 1 bồn rửa tay cấp đường có 1 ngăn; 1 tủ hấp khăn; 1 máy xay thịt đa năng; 1 máy xay sinh tố đa năng; 1 máy xay sữa đậu nành; 2 xe đẩy thực phẩm; 2 bàn tiếp phẩm inox; 5 nồi inox; 10 chậu inox; 2 bàn để chén bát sạch; 1 bồn rửa rau củ trái cây; 1 trái cây 2 ngăn; 1 bồn để chén bát sạch; 1 máy sấy tay; 2 cân thực phẩm; 15 mâm nhôm đựng rau; 15 mâm nhôm dĩa; 10 rổ inox tiếp phẩm lớn nhỏ; 1 bộ camera		0					201.870.000		201.870.000		
2	Trường MN Tân An Hội 1	* Điện học Bàu Tre: Trang bị: 02 máy vi tính; Bồn nước inox 2 khối; Bồn rửa thực phẩm lớn bằng inox; Bàn tiếp phẩm 02 tầng bằng inox; Hệ thống bếp bằng inox và hệ thống hút khói; 04 bộ bàn ghế để máy vi tính. * Điện Xóm Huế và Cây Sộp: trang bị đồ chơi ngoài trời cho trẻ, cụ thể: Bộ vận động ống chui kết hợp vách leo núi, bộ xà đu đa năng ngoài trời, hòm chui tàu hỏa, bộ cầu trượt xoắn cao thấp, xà đu vận động liên hoàn đa năng	Trang bị 02 máy vi tính, 04 bộ bàn ghế để máy vi tính	36.080.000	30.000.000			6.080.000	306.435.000		342.515.000		
3	Trường MN Tây Bắc	Trang bị: 27 bồn cầu; 1 bộ danh mục ĐDDC 3141 cho nhà trẻ; danh mục ĐDDC 3141 cho mẫu giáo 5 tuổi; 10 máy vi tính; 60 bộ bàn ghế cho trẻ 5 tuổi; 60 bộ bàn ghế cho trẻ 4 tuổi; 150 m2 thảm cỏ nhân tạo.	Trang bị: 27 bồn cầu, 10 máy vi tính, 60 bộ bàn ghế cho trẻ 5 tuổi, 60 bộ bàn ghế cho trẻ 4 tuổi	280.200.000	150.000.000			130.200.000	521.000.000		801.200.000		

ĐVT: đồng

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	UBND huyện chấp thuận giải quyết	Nguồn ngân sách huyện						Dự toán giao năm 2019, Nguồn tin học, Thiết bị phục vụ bán trả và Quỹ PTHDSN của đơn vị	Thực hiện xã hội hóa	Thành tiền	Ghi chú
				Tổng cộng	Máy vi tính (mua sắm tập trung)	Trang trí	Thư viện điện tử, băng tương tác (70% giá trị)	Bản ghế và các tài sản khác	các tài sản, công cụ dụng cụ khác theo đề xuất				
4	Trường MN Thị Trấn Cù Chì 1	Trang bị: 1 tủ để lưu mẫu thực ăn bán trả; 10 kệ thư viện cho 10 lớp; 1 giường y tế; 4 tủ đựng gối; chiếu bán trả; 200 giường nằm non; 1 bàn chia thực ăn (inox); 3 tủ loại lớn đựng hồ sơ; 07 máy vi tính; 1 máy in; 10 ti vi; 6 máy điều hòa nhiệt độ; 1 bộ đồ chơi ngoài trời (cỏ mái che) để phát triển thể chất.	Trang bị: 10 kệ thư viện, 1 giường y tế, 3 tủ loại lớn đựng hồ sơ, 07 máy vi tính, 1 máy in	133.790.000	105.000.000			28.790.000	267.740.000			401.530.000	
5	Trường MN Thị trấn Cù Chì 2	Trang bị: 56 bộ bàn cho hội trường; 1 hệ thống âm thanh cho Hội trường.	Trang bị: 56 bộ bàn cho hội trường; 1 hệ thống âm thanh cho Hội trường.	180.925.000				180.925.000	0			180.925.000	
7	Trường MN Tân Thông Hội 1	Trang bị: 1 bộ hút khói nhà bếp; 1 tủ đựng thực ăn inox; 1 xe đẩy khay; 1 xe đẩy phơi 350 tờ; 1 máy in; 5 máy vi tính	Trang bị: 05 máy vi tính, 1 máy in	82.500.000	75.000.000			7.500.000	102.573.000			185.073.000	
8	Trường MN Tân Thông Hội 2	Trang bị: mái che di động khu chơi vận động cho trẻ (khu lễ hội) (222 m2); thảm cỏ nhân tạo (khu mái che 222m2); 6 tủ đựng hồ sơ VP; 2 bộ bàn ghế họp; 7 kệ để gối cho 6 nhóm lớp; một số bộ đồ chơi vận động ngoài trời; 01 bộ âm thanh phục vụ công tác tuyên truyền.	Trang bị: 6 tủ đựng hồ sơ VP; 2 bộ bàn ghế họp; 01 bộ âm thanh phục vụ công tác tuyên truyền.	209.500.000				209.500.000	222.390.000			431.890.000	
9	Trường MN Tân Thông Hội 3	Trang bị: 5 bộ máy vi tính; 1 bộ âm thanh phục vụ các hoạt động	Trang bị: 5 bộ máy vi tính; 1 bộ âm thanh phục vụ các hoạt động	138.300.000	75.000.000			63.300.000				138.300.000	
10	Trường MN Tân Thông Hội 4	Trang bị: 50 bộ bàn ghế hs, 10 bộ máy vi tính; màn sao bằng gỗ che mát cho 6 lớp (3x25 m; 150 m2); hệ thống chữa cháy; hệ thống báo cháy; thiết bị chữa cháy cho 3 điểm trường; các đồ dùng đồ chơi; thiết bị dạy học tối thiểu cho mẫu giáo 3-4 tuổi; 4-5 tuổi; 5-6 tuổi; 1 bộ liên hoàn cầu treo nắng trước cón cá và nắng cầu treo nhà chơi; nắng trước ống và cầu trượt đôi; 1 bộ vận động liên hoàn 5 khối cầu trượt ống; đôi, đơn, xoắn và các loại thang leo; 3 bộ leo trèo bằng nhựa composite; 6 bộ chơi cát nước bằng nhựa composite	Trang bị: 50 bộ bàn ghế hs, 10 bộ máy vi tính; hệ thống chữa cháy; hệ thống báo cháy; thiết bị chữa cháy cho 3 điểm trường;	343.732.400	150.000.000			193.732.400	\$27.021.600			1.170.734.000	
11	Trường MN Tân Phú Trung 2	Trang bị: đồ chơi ngoài trời cho 4 điểm dạy		0					100.000.000			100.000.000	

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	UBND huyện chấp thuận giải quyết	Nguồn ngân sách huyện					Dự toán giao năm 2019, Nguồn tin học, Thiết bị phục vụ bán trú và Quỹ PTHĐSN của đơn vị	Thực hiện xã hội hóa	Thành tiền	Ghi chú
				Tổng cộng	Máy vi tính (mua sắm tập trung)	Trang trí	Thư viện điện tử, băng tương tác (70% giá trị)	Bàn ghế và các tài sản khác				
12	Trường MN Phước Vĩnh An	Trang bị: mua che di động cho các lớp học khu sân trước (diện tích 81 m2); lót sân gỗ phòng thể chất (diện tích: 105 m2); lót sân gỗ phòng âm nhạc (diện tích: 105 m2)		0					238.573.500			
13	Trường MN Phước Hiệp	Trang bị (Trường đăng ký chuẩn quốc gia 2019): đồ chơi cho phòng thể chất và phòng nghệ thuật: 01 cái thang leo sủi dung 3 độ tuổi cho trẻ mẫu giáo; 01 cái thang leo vách núi; sân gỗ công nghiệp 80m x 2 (Thái Lan); 02 tủ chứa dụng cụ âm nhạc; gương mùa + gió; 02 bộ thùng băng văn vận động; 200m2 cỏ nhân tạo lót sân chơi; 09 xe (Inox) đựng thức ăn của trẻ; trang bị khu chơi cát nước (01 hồ nước và tường vẽ)	Trang bị (Trường đăng ký chuẩn quốc gia 2019): đồ chơi cho phòng thể chất và phòng nghệ thuật: 01 cái thang leo sủi dung 3 độ tuổi cho trẻ mẫu giáo; 01 cái thang leo vách núi; sân gỗ công nghiệp 80m x 2 (Thái Lan); 02 tủ chứa dụng cụ âm nhạc; gương mùa + gió; 02 bộ thùng băng văn vận động; 200m2 cỏ nhân tạo lót sân chơi; 09 xe (Inox) đựng thức ăn của trẻ; trang bị khu chơi cát nước (01 hồ nước và tường vẽ)	107.900.000					79.680.000		187.580.000	
14	Trường MN Thái Mỹ	Trang bị: máy rửa chén; tủ hấp khăn; bể chơi nước; bể chơi cát lắp ráp nhập khẩu		0					286.110.000			
15	Trường MN Tân Thành Tây	Trang bị: 12 Tủ đựng hồ sơ giáo viên ở các lớp; 100 cái bàn cho hội trường (ván gỗ ghép mặt oval); 1 Máy in Scanner Canon liide 220; 1 bộ Camera 8 kênh (5 mắt); 1 bộ bàn ghế trong phòng họp (gồm 20 cái ghế); 1 Máy ép trái cây Panasonic; Đồ dùng đồ chơi theo hàng mục 3141 cho 1 Lớp Nhà trẻ 24 – 36 tháng, 2 Lớp Mầm 3 tuổi – 4 tuổi, 3 Lớp Chồi 4 tuổi – 5 tuổi, 6 Lớp Lá 5 tuổi – 6 tuổi; 2 Bộ đồ chơi vận động phát triển thể chất; thay mới ổ khóa các lớp	Trang bị: 12 Tủ đựng hồ sơ giáo viên ở các lớp; 100 cái bàn cho hội trường (ván gỗ ghép mặt oval); 1 Máy in Scanner Canon liide 220; 1 bộ Camera 8 kênh (5 mắt); 1 bộ bàn ghế trong phòng họp (gồm 20 cái ghế); 1 Máy ép trái cây Panasonic; Đồ dùng đồ chơi theo hàng mục 3141 cho 1 Lớp Nhà trẻ 24 – 36 tháng, 2 Lớp Mầm 3 tuổi – 4 tuổi, 3 Lớp Chồi 4 tuổi – 5 tuổi, 6 Lớp Lá 5 tuổi – 6 tuổi; 2 Bộ đồ chơi vận động phát triển thể chất; thay mới ổ khóa các lớp	254.929.400					292.605.000		547.534.400	
16	Trường MN Trung An 2	Trang bị: 1 bàn họp văn phòng; 400 giường (lười) ngủ học sinh; 1 tủ hóp com 6 khay (Fusima); 13 tủ nệm gối; 20 kệ góc học tập; 1 đàn âm thanh hội trường; 4 ván dục thể dục; 4 bục bật sáu (cao) thể dục; 2 bộ vận động đa năng (thang leo cầu trượt-đồng chui); 4 vòng ném trúng đích hình các con thú; 4 ghế thăng bằng thể dục; 1 máy photocopy; 1 máy xay thịt Inox; 02 xe đẩy com 2 tầng (Inox); 03 máy vắt cam Steba2P2; 13 tủ ca Inox; 13 kệ để giày 4 tầng (Inox); 01 máy giặt LG Smart InvenierT2108 VSPW; 02 bộ ghế thể dục lắp ráp gỗ; 01 tủ gỗ hồ sơ; 02 bộ vận động trên bánh xe; 06 bộ bàn ghế HS nhà trẻ hình vòng cung.	Trang bị: 1 bàn họp văn phòng; 20 kệ góc học tập; 1 đàn âm thanh hội trường; 01 tủ gỗ hồ sơ; 06 bộ bàn ghế HS nhà trẻ hình vòng cung.	84.200.000					324.070.000		408.270.000	

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	UBND huyện chấp thuận giải quyết	Nguồn ngân sách huyện						Dự toán giao năm 2019, Nguồn tin học, Thiết bị phục vụ bán trú và Quỹ PTHDSN của đơn vị	Thực hiện xã hội hóa	Thành tiền	Ghi chú
				Tổng cộng	Máy vi tính (mua sắm tập trung)	Trang trí	Thư viện điện tử, băng tương tác (70% giá trị)	Bàn ghế và các tài sản khác	các tài sản, công cụ dụng cụ khác theo đề xuất				
17	Trường MN Phạm Văn Cội 2	Trang bị: mới che cho các lớp khu tầng trên phục vụ vui chơi và tổ chức lễ hội cho trẻ nhằm che mát, đảm bảo sức khỏe cho trẻ	0						199.867.000			199.867.000	
18	Trường MN Phú Hòa Đông	Trang bị: nhà chơi cắt nước và 3 loại đồ chơi ngoài trời cho trẻ	0						349.974.000			349.974.000	
II	Khoá Tiểu học		3.603.947.000	135.000.000	336.500.000	968.471.000	2.163.976.000	73.000.000	415.059.000	4.092.006.000			
1	Trường TH Thị Trấn Củ Chi	Trang bị: 35 bàn và ghế giáo viên; 30 bộ bàn ghế học sinh 2 chỗ ngồi trong phòng vi tính; 300 bàn ghế học sinh loại một chỗ ngồi; 1 máy chiếu; 01 đàn âm thanh ngoài trời; 08 bảng từ viết bảng (3,6 m), 1 bảng tương tác (TIVI DA CHỨC NĂNG).	833.029.000			110.250.000	722.779.000	0	47.250.000	880.279.000			
2	Trường TH Thị Trấn Củ Chi 2	Trang bị: 2 máy in 2 mặt (văn phòng); 1 lap top; 3 ti vi	28.000.000				28.000.000	44.000.000		72.000.000			
3	Trường TH Tân Thành	Trang bị: 200 bộ bàn ghế học sinh (1 chỗ)	220.000.000				220.000.000	0		220.000.000			
4	Trường TH Trần Văn Chấn	Trang bị: hệ thống camera; 01 bảng tương tác (TIVI DA CHỨC NĂNG)	110.250.000			110.250.000		14.000.000	47.250.000	171.500.000			
5	Trường TH Phước Vĩnh An	Trang bị: 03 máy vi tính; 01 lap top; 01 projector	89.150.000	45.000.000			44.150.000	0		89.150.000			
6	Trường TH Tân Thông	Trang bị: 100 bộ bàn ghế HS loại 1 chỗ, 01 thư viện điện tử	857.971.000			747.971.000	110.000.000	0	320.559.000	1.178.530.000			
7	Trường TH Tân Tiến	Trang bị: 06 máy vi tính; 25 quạt trần	115.000.000	90.000.000			25.000.000	0		115.000.000			
8	Trường TH Tân Phú Trung	Trang bị: 150 bộ bàn ghế HS loại 1 chỗ (Phân hiệu Bến Dò và Sơn Lộc)	165.000.000				165.000.000	0		165.000.000			
9	Trường TH Tân Thanh Tây	Trang bị: 30 bàn giáo viên, 30 tủ đựng ĐDDH cho các lớp	236.550.000				236.550.000	0		236.550.000			
10	Trường TH Phú Hòa Đông	Trang bị: 01 lap top; 01 cây đàn organ	8.000.000				8.000.000	15.000.000		23.000.000			
11	Trường TH Bình Mỹ	Trang bị: 110 bộ bàn ghế (loại 1 chỗ), 2 bộ bàn ghế giáo viên và 2 bảng từ	134.716.000				134.716.000	0		134.716.000			

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	UBND huyện chấp thuận giải quyết	Nguồn ngân sách huyện					Dự toán giao năm 2019, Nguồn tín học, Thiết bị phục vụ bán trú và Quỹ PTHĐSN của đơn vị	Thực hiện xã hội hóa	Thành tiền	Ghi chú
				Tổng cộng	Máy vi tính (mua sắm tập trung)	Trang trí	Thư viện điện tử, băng tương tác (70% giá trị)	Bàn ghế và các tài sản khác				
12	Trường TH Bình Mỹ 2	Trang bị: 01 máy photocopy Canon IR 2525 DADF AB 1		0					0		0	Đổi với máy photocopy để nghị trường thuê theo công văn số 5575/UBND-TCKH ngày 17/5/2017
13	Trường TH Nhuận Đức 2	Trang bị: 316 bộ bàn ghế HS loại 01 chỗ, 12 băng từ, 1 máy Laptop Dell, 01 máy chiếu, 01 bộ trống Đồi	Trang bị: 316 bộ bàn ghế HS loại 01 chỗ, 12 băng từ, 1 máy Laptop Dell, 01 máy chiếu, 01 bộ trống Đồi	429.781.000				429.781.000	0		429.781.000	
14	Trường TH An Phước	Trang bị: 02 bộ máy chiếu	Trang bị: 02 bộ máy chiếu	40.000.000				40.000.000	0		40.000.000	
15	Trường TH Lê Văn Thế	Cấp thêm kinh phí trang trí cho 30 phòng học vì trường đang xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia, gồm: băng Năm châu Bác Hồ đây; Băng "Non sông Việt Nam có trở nên vẻ vang hay không..."; Băng Năm nhiệm vụ học sinh; Băng viết mẫu những chữ cái viết hoa, viết thường.	Trang trí khẩu hiệu trường mới	136.500.000		136.500.000			0		136.500.000	KP trang trí trường mới, định mức Sở Tài chính bổ trí 200trd/trường mới. Năm 2018 đã bổ trí 120trd nhưng đơn vị sử dụng 37.950 tr
16	Trường TH Nguyễn Thị Lăng	Trang trí khẩu hiệu trường mới	Trang trí khẩu hiệu trường mới	200.000.000		200.000.000			0		200.000.000	KP trang trí trường mới, định mức Sở Tài chính bổ trí 200trd/trường mới.
III	Khối THCS			2.941.321.800	405.000.000	422.000.000	330.750.000	1.783.571.800	351.930.000	141.750.000	3.435.001.800	
1	Trường THCS Thị Trấn	Trang bị: 20 máy vi tính cho phòng máy vi tính, 01 băng từ, 01 máy photocopy, 01 băng tương tác (TIVI ĐA CHỨC NĂNG).	Trang bị: 20 máy vi tính cho phòng máy vi tính, 01 băng từ, 01 băng tương tác (TIVI ĐA CHỨC NĂNG).	410.250.000	300.000.000		110.250.000		0	47.250.000	457.500.000	Đổi với máy photocopy để nghị trường thuê theo công văn số 5575/UBND-TCKH ngày 17/5/2017
2	Trường THCS Thị Trấn 2	Trang bị: 200 bộ bàn ghế HS (2 chỗ); 01 băng tương tác (TIVI ĐA CHỨC NĂNG), 01 đàn âm thanh ngoài trời	Trang bị: 200 bộ bàn ghế HS (2 chỗ); 01 đàn âm thanh ngoài trời; 01 băng tương tác (TIVI ĐA CHỨC NĂNG)	559.950.000			110.250.000	449.700.000	0	47.250.000	607.200.000	
3	Trường THCS Tân An Hội	Trang bị: 100 bộ bàn ghế học sinh (2 chỗ); 01 máy in 2 mặt + A3; 02 máy in một mặt; 03 máy vi tính; 01 máy scan; kính phi trang trí 03 phòng học mới, 01 băng tương tác (TIVI ĐA CHỨC NĂNG)	Trang bị: 100 bộ bàn ghế học sinh (2 chỗ); 01 máy in 2 mặt + A3; 02 máy in một mặt; 03 máy vi tính; 01 máy scan; kính phi trang trí 03 phòng học mới, 01 băng tương tác (TIVI ĐA CHỨC NĂNG)	352.330.000		22.000.000	110.250.000	220.080.000	37.500.000	47.250.000	437.080.000	
4	Trường THCS Tân Tiến	Trang bị: 01 máy vi tính.	Trang bị: 01 máy vi tính.	15.000.000	15.000.000				0		15.000.000	
5	Trường THCS Tân Phú Trung	Trang bị: 75 bộ bàn ghế (loại 2 chỗ)	Trang bị: 75 bộ bàn ghế (loại 2 chỗ)	141.000.000				141.000.000	0		141.000.000	
6	Trường THCS Phước Hiệp	Trang bị: 01 máy scan	Trang bị: 01 máy scan	0					2.980.000		2.980.000	

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	UBND huyện chấp thuận giải quyết	Nguồn ngân sách huyện						Dự toán giao năm 2019, Nguồn tín học, Thiết bị phục vụ bán trú và Quỹ PTHĐSN của đơn vị	Thực hiện xã hội hóa	Thành tiền	Ghi chú
				Tổng cộng	Máy vi tính (mua sắm tập trung)	Trang trí	Thu viện điện tử, băng tương tác (70% giá trị)	Bàn ghế và các tài sản khác	các tài sản, công cụ dụng cụ khác theo đề xuất		Thu viện điện tử, băng tương tác (30% giá trị)		
7	Trường THCS Trung Lập Hạ	Xin kinh phí trang trí cho 20 phòng học và các phòng chức năng (công trình xây dựng mở rộng); 01 kết sắt cho tủ quần, 01 hệ thống camera (8 mắt)	Xin kinh phí trang trí cho 20 phòng học và các phòng chức năng (công trình xây dựng mở rộng)	200.000.000		200.000.000			118.700.000			318.700.000	
8	Trường THCS Hòa Phú	Trang bị: 75 bộ bàn ghế cho HS (loại 2 chỗ); 01 bộ máy chiếu; kinh phí trang trí cho 23 phòng học mới (công trình xây dựng mở rộng).	Trang bị: 75 bộ bàn ghế cho HS (loại 2 chỗ); kinh phí trang trí cho 23 phòng học mới (công trình xây dựng mở rộng).	341.000.000		200.000.000		141.000.000	182.750.000			523.750.000	1 tương ứng mới trang trí lại da 200trd, phần còn lại trường cân đối
9	Trường THCS Trung An	Trang bị: 24 bộ bàn ghế HS (loại 2 chỗ)	Trang bị: 24 bộ bàn ghế HS (loại 2 chỗ)	45.120.000				45.120.000	0			45.120.000	Giải tỏa Máy in theo QĐ 50/QĐ-TTg là
10	Trường THCS Tân Thành Đông	Trang bị: 01 máy in A3		0					10.000.000			10.000.000	
11	Trường THCS Tân Thành Tây	Trang bị: 06 máy vi tính; 01 bộ bàn ghế để máy vi tính; 01 bộ bàn ghế ngồi	Trang bị: 06 máy vi tính; 01 bộ bàn ghế để máy vi tính; 01 bộ bàn ghế ngồi	98.445.000	90.000.000			8.445.000	0			98.445.000	
12	Trường TH- THCS Tân Trung	Trang bị: 150 bộ bàn ghế tiểu học (loại 1 chỗ); 50 bộ bàn ghế hs THCS (loại 2 chỗ); 01 hệ thống thiết bị âm thanh học đường; các loại sách cho thư viện như sách giáo khoa, sách GV, sách tham khảo, sách pháp luật, sách tư liệu về Bác Hồ...	Trang bị: 150 bộ bàn ghế tiểu học (loại 1 chỗ); 50 bộ bàn ghế hs THCS (loại 2 chỗ); 01 hệ thống thiết bị âm thanh học đường; các loại sách cho thư viện như sách giáo khoa, sách GV, sách tham khảo, sách pháp luật, sách tư liệu về Bác Hồ...	481.226.800				481.226.800	0			481.226.800	
13	Trường THCS Phú Hòa Đông	Trang bị: 50 bộ bàn ghế học sinh (loại 2 chỗ)	Trang bị: 50 bộ bàn ghế học sinh (loại 2 chỗ)	94.000.000				94.000.000	0			94.000.000	
14	Trường THCS Nhuận Đức	Trang bị: 01 máy photocopy /in kỹ thuật số Fuji Xerox		0								0	Đổi với máy photocopy để nghỉ tương ứng theo công văn số 5575/UBND-TCKH
15	Trường THCS Phạm Văn Cội	Trang bị: 01 máy Laptop Dell Inspiration 5370-N313001W	Trang bị: 01 máy Laptop Dell Inspiration 5370-N313001W	15.000.000				15.000.000	0			15.000.000	Giải tỏa da máy vi tính để bàn hoặc máy vi tính xách tay theo QĐ 50/QĐ-TTg là 15trd
16	Trường THCS An Phú	Trang bị: 100 bộ bàn, ghế học sinh (loại 2 chỗ)	Trang bị: 100 bộ bàn, ghế học sinh (loại 2 chỗ)	188.000.000				188.000.000	0			188.000.000	
IV	Các đơn vị trực thuộc			328.700.000	90.000.000	0		238.700.000	109.878.000			438.578.000	
1	Trường Nuôi dạy trẻ em KT	Trang bị: 30 ghế hội họp và 1 bàn họp, 03 máy vi tính, 02 máy in, 01 dàn âm thanh ngoài trời.	Trang bị: 30 ghế hội họp và 1 bàn họp, 03 máy vi tính, 02 máy in, 01 dàn âm thanh ngoài trời.	180.400.000	45.000.000			135.400.000	0			180.400.000	

STT	Tên đơn vị	Danh mục mua sắm	UBND huyện chấp thuận giải quyết	Nguồn ngân sách huyện					Dự toán giao năm 2019, Nguồn tin học, Thiết bị phục vụ bán trú và Quỹ PTHDSN của đơn vị	Thực hiện xã hội hóa	Thành tiền	Ghi chú
				Tổng cộng	Máy vi tính (mua sắm tập trung)	Trang trí	Thư viện điện tử, băng tương tác (70% giá trị)	Bàn ghế và các tài sản khác				
2	Trường Bồi dưỡng giáo dục	Trang bị: 01 máy chiếu; 01 lap top; 03 máy vi tính; 04 tủ sắt đựng hồ sơ; 09 máy điều hòa; 02 bàn làm việc; 01 bộ âm thanh (2 micro không dây, 01 ampli và loa)	Trang bị: 01 máy chiếu, 01 lap top; 03 máy vi tính; 04 tủ sắt đựng hồ sơ; 02 bàn làm việc; 01 bộ âm thanh (2 micro không dây, 01 ampli và loa)	148.300.000	45.000.000			103.300.000	109.878.000		258.178.000	

Nguyễn Văn Hùng
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TỔNG HỢP KINH PHÍ

SỬA CHỮA TẠI CÁC TRƯỜNG MẦM NON, TIỂU HỌC, THCS VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC HUYỆN NĂM 2018-2019

(Đính kèm văn bản số 4443/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện)

STT	Tên đơn vị	Hạng mục sửa chữa	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5
	Năm 2019		8.975.000.000	
A	Các công trình yêu cầu kỹ thuật cao và có liên quan đến kết cấu			
I	Khối Mầm non			
1	Trường MN Tân Thông Hội 1	Chống thấm cột tường hội trường; sửa chữa 01 hộp gen trước lớp Mầm 1, xử lý 02 khe lún gần Hội trường	55.000.000	
2	Trường MN Tân An Hội 1	Cải tạo nhà bếp, Sơn nhà bếp, hệ thống cấp thoát nước, đắp cát nâng nền, bê tông nền sân (điểm Xóm Huế), sửa chữa nhà vệ sinh, đắp cát nâng nền, bê tông nền sân, sửa chữa tường bong tróc (điểm Xóm Chùa).	592.000.000	
3	Trường MN Tân Phú Trung 2	* Điểm Láng Cát: Gia cố vết nứt của 2 phòng học và nhà vệ sinh; thay 02 bộ cánh cửa sổ bằng cửa nhôm. * Điểm Cây Đa: Xây hồ thấm chứa nước phía sau phòng học; vét mương thoát nước tạm cấp đường nhựa trước cổng trường.	80.000.000	
4	Trường MN Tân Thông Hội 3	Cải tạo, thoát nước nhà vệ sinh khu A (dãy 4 phòng); thoát nước sân (dãy 3 phòng); Làm mới mái che nhà bếp	67.000.000	

STT	Tên đơn vị	Hạng mục sửa chữa			Thành tiền	Ghi chú
1	2	3			4	5
5	Trường MN Tân Thông Hội 4	* Điểm Tân Định: Trát đá mài toàn bộ bậc tam cấp mặt tiền; sửa chữa 04 hộp gen phía sau; tô lại tường, sơn lại tường mặt sau; chống thấm seno phía sau. * Điểm Tân Tiến: Nâng mái và đóng la phòng cho phòng chia thức ăn.			99.000.000	
6	Trường MN Tân Thành Tây	Thay trần thạch cao bằng tole lạnh, chống đột mái, xử lý vết nứt tại phòng vệ tính			53.000.000	
II	Khối tiểu học				4.516.000.000	
1	Trường TH Trần Văn Châm	* Điểm học ấp 1: Thay trần thạch cao bằng tole lạnh 6 phòng học, 2 khu vệ sinh học sinh, làm mới nhà để xe, chống thấm 2 hộp gen. * Điểm chính ấp 5: Thay trần thạch cao bằng tole lạnh 5 phòng học (lầu 2), 1 hội trường, 2 khu vệ sinh			600.000.000	
2	Trường TH Lê Thị Pha	Điểm học ấp Xóm Huế: Đóng mới trần các phòng, sơn lại toàn trường; Sửa chữa cửa, lắp mới hệ thống điện; sửa chữa nhà vệ sinh, thay thiết bị vệ sinh, sửa chữa công, sơn lại hàng rào; dặm và sân trường, chống thấm seno.			415.000.000	
3	Trường TH Nhuận Đức 2	Xây dựng mới + sửa chữa tường rào xung quanh trường với chu vi (330 mét); cải tạo, nâng cấp sân trường và mương thoát nước.			1.706.000.000	
4	Trường TH Phước Thạnh	Thay cửa nhà vệ sinh của các khối nhà vệ sinh bằng cửa nhôm; thay trần nhà vệ sinh; sửa chữa, chống thấm nhà vệ sinh, cải tạo hệ thống thoát nước nhà vệ sinh.			453.000.000	
5	Trường TH Thái Mỹ	Sửa chữa, chống đột lớp 5/4; sửa chữa nhà vệ sinh: thay trần thạch cao bằng tole lạnh, thay hệ thống cấp thoát nước, chống thấm, thay cửa, thay thiết bị vệ sinh; di dời nhà xe học sinh (để xây phòng vi tính theo vốn Nông thôn mới).			632.000.000	
6	Trường TH An Phú 2	Chống đột khối nhà phòng Hiệu trưởng; thay tole mái (giữ lại xà gỗ) dãy phòng thư viện, phòng truyền thống; thay trần phòng thư viện, phòng truyền thống; chống thấm 01 phòng học trên lầu 1			122.000.000	

STT	Tên đơn vị	Hạng mục sửa chữa	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5
7	Trường TH Tân Thạnh Tây	Thay trần thạch cao bằng tole lạnh 02 phòng học, 02 phòng vi tính, 02 phòng nghỉ giáo viên, 01 phòng Hội đồng, 01 phòng truyền thống, 01 phòng Đội, 01 hội trường, 06 nhà vệ sinh, 04 vị trí góc của cầu thang; sửa chữa điện liên quan đến trần.	588.000.000	
III	Khối THCS		2.389.000.000	
1	Trường THCS Tân Tiến	Sửa chữa hệ thống điện khối phòng cũ; cải tạo sân trường ở phía trước.	610.000.000	
2	Trường THCS Phú Hòa Đông	Sửa chữa nhà vệ sinh 12 phòng: thay trần thạch cao bằng tole lạnh, đi lại hệ thống thoát nước, hệ thống điện, thay cửa, sửa chữa thùng nước, chống thấm và sơn lại nhà vệ sinh; Thay trần thạch cao hội trường, và trần hành lang bằng tole màu, sửa chữa hệ thống điện Hội trường.	948.000.000	
3	Trường THCS Tân Thông Hội	Chống dột mái ngói dây hành chính, chống thấm seno Hội trường, trát lại hành lang trước Hội trường, thay trần + hệ thống điện Hội trường	174.000.000	
4	Trường THCS Tân Thạnh Đông	Sửa chữa khối nhà vệ sinh cũ: thay thiết bị vệ sinh, thay cửa, thay hệ thống cấp thoát nước, hệ thống điện, thay trần, nền, ốp gạch tường chống thấm; lắp hệ thống máy bơm cho khối nhà vệ sinh.	280.000.000	
5	Trường THCS Tân Thạnh Tây	Thay trần nhựa bằng tole lạnh, thay thiết bị nhà vệ sinh học sinh, chống thấm, sửa hệ thống cấp thoát nước nhà vệ sinh, thay cửa nhà vệ sinh	377.000.000	
B	Các công trình còn lại		1.124.000.000	
I	Khối Mầm non		224.000.000	
1	Trường MN Tân Thông Hội 2	Thay hệ thống thoát nước sân nhà vệ sinh (phía trên phòng Hiệu trưởng) ; lớp mái tôn chống dột cho hành lang (chòi 3, lá 5, lá 4)	60.000.000	
2	Trường MN Phú Hòa Đông	Lát gạch sân sau phần giáp hành lang; làm mương thoát nước khu nhà bếp, nâng nền nhà chứa máy bơm PCCC.	164.000.000	
II	Khối tiểu học		200.000.000	

STT	Tên đơn vị	Hạng mục sửa chữa	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5
1	Trường TH Tân Thành	Thay trần thạch cao bằng tole lạnh 09 phòng học lầu 2 và nhà ăn; chống thấm, đột phòng tin học và các phòng chức năng lầu 2; thay trần thạch cao bằng tole lạnh tại vị trí 04 cầu thang.	200.000.000	
III	Khối THCS		657.000.000	
1	Trường TH-THCS Tân Trung	Làm bê tông đường dẫn vào trường tại cổng trường (hướng tính lộ 15) (khoảng 150 m2)	57.000.000	
2	Trường THCS Phước Hiệp	Thay trần thạch cao bằng tole lạnh các phòng học, phòng chức năng, hội trường (lầu 2) và phòng đa năng, nhà ăn, nhà bếp; làm khung kính che lam bên trong phòng học để tránh mưa tạt vào.	600.000.000	
IV	Các đơn vị trực thuộc		43.000.000	
1	Trường Bồi dưỡng giáo dục	Sửa chữa 03 hộp gen cho 03 cột khu nhà vệ sinh GV	43.000.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC
BỔ SUNG KINH PHÍ MUA SẮM, SỬA CHỮA TẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
CÔNG LẬP THUỘC NGÀNH GIÁO DỤC HUYỆN NĂM 2019

(Đính kèm văn bản số 444/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện)

Đvt: đồng

STT	Đơn vị	Tổng kinh phí	Mua sắm	Sửa chữa
	Tổng cộng	17.701.025.600	8.726.025.600	8.975.000.000
I	Ban Quản lý Đầu tư XDCT huyện	13.304.304.600	5.453.304.600	7.851.000.000
II	Khối Mầm non	809.000.000	585.000.000	224.000.000
1	Trường MN Tân An Hội 2	60.000.000	0	60.000.000
2	Trường MN Tân An Hội 1	30.000.000	30.000.000	
3	Trường MN Tây Bắc	150.000.000	150.000.000	
4	Trường MN Thị Trấn Củ Chi 1	105.000.000	105.000.000	
5	Trường MN Tân Thông Hội 1	75.000.000	75.000.000	
6	Trường MN Tân Thông Hội 3	75.000.000	75.000.000	
7	Trường MN Tân Thông Hội 4	150.000.000	150.000.000	
8	Trường MN Phú Hòa Đông	164.000.000	0	164.000.000
III	Khối Tiểu học	1.639.971.000	1.439.971.000	200.000.000
1	Trường TH Thị Trấn Củ Chi	110.250.000	110.250.000	
2	Trường TH Tân Thành	200.000.000	0	200.000.000
3	Trường TH Trần Văn Châm	110.250.000	110.250.000	
4	Trường TH Phước Vĩnh An	45.000.000	45.000.000	
5	Trường TH Tân Thông	747.971.000	747.971.000	
6	Trường TH Tân Tiến	90.000.000	90.000.000	
7	Trường TH Lê Văn Thế	136.500.000	136.500.000	
8	Trường TH Nguyễn Thị Lăng	200.000.000	200.000.000	
IV	Khối THCS	1.814.750.000	1.157.750.000	657.000.000
1	Trường THCS Thị Trấn	410.250.000	410.250.000	
2	Trường THCS Thị Trấn 2	110.250.000	110.250.000	
3	Trường THCS Tân An Hội	132.250.000	132.250.000	
4	Trường THCS Tân Tiến	15.000.000	15.000.000	
5	Trường THCS Phước Hiệp	600.000.000	0	600.000.000
6	Trường THCS Trung Lập Hạ	200.000.000	200.000.000	

STT	Đơn vị	Tổng kinh phí	Mua sắm	Sửa chữa
7	Trường THCS Hòa Phú	200.000.000	200.000.000	
8	Trường THCS Tân Thạnh Tây	90.000.000	90.000.000	
9	Trường TH- THCS Tân Trung	57.000.000	0	57.000.000
V	Các đơn vị trực thuộc	133.000.000	90.000.000	43.000.000
1	Trường Nuôi dạy trẻ em KT	45.000.000	45.000.000	
2	Trường Bồi dưỡng giáo dục	88.000.000	45.000.000	43.000.000

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

